

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông
tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính về Quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 01/01/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 914/TTr-SNNMT ngày 09/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030 (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Ngoại vụ; Hội Nông dân tỉnh, Hội làm vườn và Trang trại tỉnh, Trường Đại học Hồng Đức, Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Ủy ban MTTQ tỉnh (để p/hợp);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT, KTTC, THĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Xuân Liêm

CHƯƠNG TRÌNH

Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030

(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng: Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác khuyến nông và hoạt động chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, bao gồm: Tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp. Nông dân, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông, lâm và thủy sản.

2. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

3. Thời gian thực hiện: Năm 2026 - 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu

Triển khai Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2026 - 2030 nhằm tiếp tục chuyển giao nhanh, có hiệu quả các tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp cho các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp chủ lực và có lợi thế trên địa bàn tỉnh theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và bền vững, đổi mới mạnh mẽ hình thức tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết hợp tác chặt chẽ giữa sản xuất và tiêu thụ. Nâng cao trình độ thâm canh, năng lực quản lý, quản trị cho các tổ chức, cá nhân trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển nông nghiệp xanh, sạch, hữu cơ, công nghệ cao, tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải, bảo vệ môi trường, gia tăng giá trị sản phẩm; từ đó góp phần phát triển toàn diện nông nghiệp, nông thôn, nông dân của tỉnh nhà trong thời kỳ mới.

2. Các chỉ tiêu cụ thể của chương trình

2.1. Chỉ tiêu về thông tin tuyên truyền

- Xây dựng và phát sóng 380 chuyên mục truyền hình, 265 chuyên mục truyền thanh trên Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa (có 360

chuyên mục truyền hình được dịch ra tiếng Mông và tiếng Thái); 100 bản tin khuyến cáo trên chương trình thời sự của Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa.

- In ấn và phát hành 20 số tập san thông tin Nông nghiệp và Môi trường (mỗi quý một tập san).

- Xuất bản 15.000 cuốn nông lịch; xây dựng và sản xuất 5 bộ phim kỹ thuật; tổ chức 100 cuộc hội thảo nhân rộng mô hình; 15 diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp; 05 chuyên tham quan học tập.

- Xây dựng được 01 trang thông tin điện tử “Khuyến nông Thanh Hoá” phục vụ công tác thông tin tuyên truyền, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật.

2.2. Chỉ tiêu đào tạo, tập huấn

Tổ chức 190 lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo cho khuyến nông viên cơ sở, cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng và nông dân; 60 lớp đào tạo huấn luyện kỹ thuật theo phương pháp FFS trên cây trồng, vật nuôi cho khuyến nông viên cơ sở, tổ khuyến nông cộng đồng, cộng tác viên khuyến nông và nông dân tại các địa phương trong tỉnh.

2.3. Xây dựng và nhân rộng mô hình

(1) Lĩnh vực trồng trọt:

Tập trung xây dựng các mô hình khuyến nông trên các sản phẩm chủ lực theo hướng công nghệ cao, hữu cơ, giảm phát thải, nâng cao năng suất và chất lượng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, cụ thể:

- Xây dựng thành công mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lúa chất lượng theo hướng giảm phát thải gắn với tiêu thụ sản phẩm, quy mô 800 ha trở lên (bình quân mỗi năm 160 ha trở lên).

- Xây dựng thành công mô hình sản xuất rau quả theo hướng (hữu cơ; VietGAP...) quy mô 50 ha trở lên (bình quân mỗi năm 10 ha trở lên).

- Xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa, đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm kém hiệu quả sang trồng các loại cây có hiệu quả kinh tế cao hơn (cây ăn quả, hoa cây cảnh...), quy mô 20 ha trở lên (bình quân mỗi năm 04 ha trở lên).

- Xây dựng thành công mô hình sản xuất hàng hoá tập trung (sắn, ngô, rau màu...) gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm quy mô 100 ha trở lên (bình quân mỗi năm 20 ha trở lên).

- Xây dựng thành công mô hình thâm canh các giống nho mới (nho hạ đen, nho sữa, nho mẫu đơn...) theo tiêu chuẩn VietGAP gắn với thị trường tiêu thụ quy mô 01 ha trở lên (thực hiện năm 2026 và 2029, mỗi năm 0.5 ha trở lên).

(2) Lĩnh vực chăn nuôi:

Tập trung chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới, xây dựng các mô hình khuyến nông trên các sản phẩm chủ lực, theo hướng công nghệ cao; phát triển chăn nuôi vật nuôi bản địa, con nuôi đặc sản, nâng cao năng suất và chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, cụ thể:

- Xây dựng mô hình chăn nuôi gia cầm thương phẩm (gà, vịt, ngan...) gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, quy mô 120.000 con trở lên (bình quân mỗi năm 24.000 con trở lên).

- Xây dựng mô hình chăn nuôi gia cầm (gà, vịt, chim bồ câu...) sinh sản theo hướng công nghệ cao gắn với liên kết với tiêu thụ sản phẩm, quy mô 20.000 con trở lên (bình quân mỗi năm 4.000 con trở lên).

- Xây dựng mô hình phát triển chăn nuôi vật nuôi bản địa/đặc sản (vịt Cổ Lũng, vịt Bầu, dê, lợn rừng, dúi, cây hương...) nhằm phục vụ phát triển du lịch và đáp ứng nhu cầu thị trường, quy mô 14.500 con trở lên (bình quân mỗi năm 2.900 con trở lên).

- Xây dựng mô hình nuôi ong lấy mật làm nguyên liệu cho sản phẩm OCOP, quy mô 800 đàn ong trở lên (bình quân mỗi năm 160 đàn trở lên).

(3) Lĩnh vực lâm nghiệp:

Tập trung xây dựng các mô hình khuyến nông thông qua chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ, các giải pháp nông nghiệp hiệu quả và gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững, cụ thể:

- Xây dựng thành công mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn theo hướng quản lý rừng bền vững (keo lai mô), quy mô 700 ha (bình quân mỗi năm 140 ha) trở lên.

- Xây dựng thành công mô hình trồng rừng thâm canh keo lá tràm theo hướng công nghệ cao, quy mô 250 ha (bình quân mỗi năm 50 ha) trở lên.

- Xây dựng thành công mô hình trồng rừng thâm canh cây quế làm vùng nguyên liệu cho chế biến tinh dầu và sản phẩm OCOP, quy mô 40 ha (bình quân mỗi năm 8 ha) trở lên.

- Xây dựng thành công mô hình trồng thâm canh cây dược liệu gắn với tiêu thụ sản phẩm, quy mô 25 ha (bình quân mỗi năm 5 ha) trở lên.

(4) Lĩnh vực thủy sản:

Tập trung xây dựng các mô hình khuyến nông ứng dụng các tiến bộ mới, công nghệ cao; các mô hình sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP,

nông nghiệp theo hướng hữu cơ, tuần hoàn, sinh thái, giảm phát thải và gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, cụ thể:

- Xây dựng thành công mô hình ứng dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật nuôi tôm công nghệ cao đạt tiêu chuẩn VietGAP (tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm càng xanh...), quy mô 05 ha (bình quân mỗi năm 1 ha) trở lên.

- Xây dựng thành công mô hình phát triển nghề nuôi cá lồng trên hồ chứa gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm (cá lăng, cá chiên, nheo mỹ...), quy mô 2.000 m³ (bình quân mỗi năm thực hiện 400 m³) trở lên.

- Xây dựng mô hình ứng dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật nuôi thâm canh các đối tượng thủy sản gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm (cá mú trăn châu, cá diêu, cá tráp, cá nâu, cá rô phi, cá nheo, cá chép...), quy mô 15 ha (bình quân mỗi năm 03 ha) trở lên.

- Xây dựng mô hình liên kết nuôi thủy đặc sản theo hướng hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm (chạch đồng, trê đồng, cá chình, lươn...), quy mô 10 ha (hoặc 4.000 m² bể) trở lên (mỗi năm 2 ha hoặc 800 m² bể trở lên).

- Xây dựng mô hình nuôi xen ghép; nuôi luân canh theo hướng tuần hoàn, hữu cơ, sinh thái giảm phát thải (tôm sú, cua, cá, tôm càng xanh - lúa, rươi - lúa...), quy mô 30 ha trở lên (bình quân mỗi năm 06 ha trở lên).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đối với công tác thông tin tuyên truyền

1.1. Nhiệm vụ và giải pháp

- Mua sắm máy quay, máy dựng hình, flycam, thiết bị lưu trữ dữ liệu; xây dựng phòng thu âm, dựng hình đảm bảo đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền trong thời kỳ mới.

- Hàng tháng xây dựng ít nhất 6 chuyên mục Khuyến nông truyền hình (dịch ra tiếng Mông và tiếng Thái), có ít nhất 4 chuyên mục khuyến nông phát thanh để tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật của Nhà nước, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; tăng cường tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu các mô hình hiệu quả, các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP của tỉnh. Thông tin về thời vụ, thời tiết, thị trường giúp cho người quản lý và người sản xuất bố trí thời vụ, tổ chức sản xuất phù hợp và chủ động ứng phó với điều kiện thời tiết bất thường, phòng tránh và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai.

- Xây dựng các bộ phim kỹ thuật; xây dựng trang thông tin điện tử, trang Youtube “Khuyến nông Thanh Hóa”, từng bước phát triển hệ thống khuyến nông điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết nối, trao đổi, chia sẻ thông tin, hỗ trợ nông dân tiếp cận và áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới một cách nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả.

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, những định hướng, chính sách của tỉnh về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; giới thiệu những mô hình điển hình, hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nông nghiệp trong và ngoài nước; hướng dẫn thực hành nông nghiệp tốt...

- Duy trì, đổi mới nội dung, hình thức xuất bản, tuyên truyền trên ấn phẩm Tập san Nông nghiệp; nông lịch sản xuất nông nghiệp; in ấn và phát hành các tài liệu về các tiến bộ kỹ thuật, sản xuất an toàn, hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn...

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo nhân rộng và diễn đàn Khuyến nông @ chuyên đề để đánh giá nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả; tổ chức các chuyến tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật và tổ chức sản xuất với các tỉnh bạn, tích cực đưa các tiến bộ mới, công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp.

1.2. Đơn vị thực hiện: Trung tâm Khuyến nông tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ; Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa; Báo Nông nghiệp và Môi trường thường trú tại Thanh Hóa; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Đối với công tác đào tạo, tập huấn

2.1. Nhiệm vụ và giải pháp

- Tổ chức bồi dưỡng tập huấn và đào tạo nâng cao kỹ năng, phương pháp cho cán bộ nông nghiệp, cán bộ khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng và nông dân về kỹ năng tiếp cận thị trường, kết nối cung cầu; kỹ năng tổ chức sản xuất; hạch toán kinh tế, chuyển đổi số trong nông nghiệp; các tiến bộ kỹ thuật, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh... liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong nông nghiệp, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, sản xuất thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu để tạo ra sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn của thị trường.

- Đào tạo, tập huấn theo phương pháp lớp học hiện trường FFS cho khuyến nông viên cơ sở, tổ khuyến nông cộng đồng và nông dân. Bám sát vào từng giai đoạn sinh trưởng và phát triển của cây trồng, vật nuôi giúp cho học viên nắm chắc về lý thuyết và vận dụng thành thạo các kỹ năng điều tra, phân tích, đánh giá, xử lý các tình huống xảy ra trong sản xuất.

- Tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, công nghệ mới cho người nông dân tại xã giúp nắm bắt được các kiến thức, áp dụng các tiến bộ, công nghệ mới, quy trình canh tác tiên tiến vào sản xuất, nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế.

2.2. Đơn vị thực hiện: Trung tâm Khuyến nông tỉnh chủ trì, phối hợp với các viện, trường, chuyên gia; UBND các xã, phường; hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan.

3. Đối với công tác xây dựng và nhân rộng mô hình

3.1. Nhiệm vụ và giải pháp

- Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp gắn với công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ sinh học, tự động hóa... và tiêu thụ sản phẩm, truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị; ứng dụng giống mới, giống tiên bộ kỹ thuật, giống thích ứng biến đổi khí hậu, giống kháng bệnh, giống bản địa, giống phục hồi và phát triển rừng... trong sản xuất nông nghiệp. Phát triển nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp thực hành tốt (VietGAP), nông nghiệp xanh gắn với du lịch sinh thái...; áp dụng các biện pháp canh tác thích nghi, xây dựng các mô hình sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Hỗ trợ, chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ mới, tiên tiến, kết nối nông dân, doanh nghiệp để tổ chức liên kết phát triển vùng sản xuất tập trung, nâng cao chất lượng, năng suất, kiểm soát an toàn, vệ sinh thực phẩm, tiêu thụ sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế của các bên tham gia chuỗi liên kết.

- Khảo sát, đánh giá, lựa chọn địa điểm triển khai mô hình có điều kiện tự nhiên, xã hội phù hợp với sinh thái cây trồng, vật nuôi; thuận lợi cho việc tham quan, học tập, nhân rộng mô hình. Các hộ gia đình tham gia mô hình phải là những người có tư duy, đam mê làm nông nghiệp, ham học hỏi, đóng góp công lao động, vật tư đối ứng trong xây dựng mô hình theo đúng quy định; sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm sản xuất để nhân rộng mô hình.

- Công khai, minh bạch các hoạt động xây dựng mô hình khuyến nông, nhất là các khoản hỗ trợ đã được phê duyệt để người dân tham gia mô hình chủ động đóng góp phần đối ứng và áp dụng các tiến bộ về khoa học kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp để triển khai mô hình đạt các tiêu chí đã đề ra; đồng thời đảm bảo có sự giám sát của chính quyền địa phương, của cộng đồng dân cư trong các hoạt động khuyến nông.

- Áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật, như: (1) Sử dụng giống tại các cơ sở có uy tín được cơ quan thẩm quyền cấp giấy chứng nhận, sản xuất giống theo tiêu chuẩn đã công bố, có giấy chứng nhận chất lượng, giấy chứng nhận kinh doanh, chứng nhận kiểm dịch,... theo đúng quy định; (2) vật tư được sản xuất theo tiêu chuẩn đã công bố, đảm bảo chất lượng yêu cầu của mô hình, bảo quản, đóng gói, thời gian sử dụng đúng quy định; (3) áp dụng quy trình tiên tiến, ứng dụng tiến bộ mới, công nghệ cao, chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp đảm bảo nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm và hạn chế ô nhiễm môi trường (quy trình thực hành nông nghiệp tốt VietGAP,

nông nghiệp hữu cơ); (4) tăng cường chuyển giao khoa học quản trị doanh nghiệp, HTX, kiến thức thị trường cho người dân để sản xuất gắn chặt với thị trường, đảm bảo phát triển bền vững.

3.2. Đơn vị thực hiện: Trung tâm Khuyến nông tỉnh, Hội Làm vườn và Trang trại tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Trung tâm nghiên cứu ứng dụng chuyển giao KHCN thuộc Trường Đại học Hồng Đức phối hợp với UBND các xã, phường có mô hình triển khai, các hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp và tổ chức, cá nhân tham gia mô hình.

4. Đối với các nội dung khác không sử dụng ngân sách nhà nước cho Chương trình Khuyến nông, giai đoạn 2026 - 2030

4.1. Về tư vấn và dịch vụ khuyến nông:

- **Nhiệm vụ và giải pháp:** Tư vấn xây dựng các chuỗi liên kết trong sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm; tư vấn về chính sách và pháp luật liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân; tư vấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp. Cung cấp các dịch vụ khuyến nông phù hợp với quy định của pháp luật, nhu cầu của người sản xuất và năng lực của tổ chức, cá nhân hoạt động khuyến nông.

- **Đơn vị thực hiện:** Trung tâm Khuyến nông tỉnh, các hợp tác xã nông nghiệp, chủ trang trại, nông dân và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

4.2. Về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế trong công tác khuyến nông

- Nhiệm vụ và giải pháp:

Tích cực tham gia nghiên cứu, đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp bộ phục vụ công tác khuyến nông và phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định; ưu tiên bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cho hoạt động khuyến nông.

Tăng cường phối hợp giữa khuyến nông nhà nước với khuyến nông của doanh nghiệp và phát triển khuyến nông cộng đồng. Tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm, hợp tác với các trường, viện nghiên cứu, tổ chức, chuyên gia trong và ngoài nước chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, tư vấn, đào tạo phát triển nguồn nhân lực khuyến nông tại các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn của tỉnh. Nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ khuyến nông thông qua các chương trình hợp tác quốc tế, hội thảo, tập huấn, khảo sát tại nước ngoài. Chủ động tham gia các chương trình, dự án hợp tác về khuyến nông, tiếp nhận và chuyển giao các công nghệ mới phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp và áp dụng xây dựng mô hình trình diễn tiên tiến phù hợp với điều kiện sản xuất tại Thanh Hóa.

- **Đơn vị thực hiện:** Sở Nông nghiệp và Môi trường (trực tiếp là Trung tâm Khuyến nông) chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Ngoại vụ, các viện nghiên cứu, tổ chức quốc tế, trường đại học, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức liên quan khác.

*** Danh mục các Chương trình khuyến nông tỉnh Thanh Hóa thực hiện giai đoạn 2026 - 2030**, bao gồm các nội dung: Thông tin, tuyên truyền; đào tạo, tập huấn; xây dựng và nhân rộng mô hình (*chi tiết tại Phụ biểu 02 kèm theo*)

IV. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Mức hỗ trợ: Áp dụng theo quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông; Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông và các văn bản liên quan.

2. Dự kiến kinh phí thực hiện

- Tổng kinh phí khoảng: 135.200 triệu đồng
- + Ngân sách tỉnh khoảng: 94.300 triệu đồng
- + Đối ứng của người dân tham gia khoảng: 40.900 triệu đồng

3. Nguồn kinh phí thực hiện

- Nguồn ngân sách tỉnh (nguồn kinh phí chi thường xuyên) cho hoạt động khuyến nông.
- Vốn đối ứng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khuyến nông và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

4. Kế hoạch vốn cho từng năm

DVT: triệu đồng

TT	Nguồn kinh phí	Năm thực hiện					Tổng
		2026	2027	2028	2029	2030	
1	Ngân sách Nhà nước khoảng	19.426	18.656	18.856	18.656	18.706	94.300
2	Vốn đối ứng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khuyến nông và các nguồn kinh phí hợp pháp khác khoảng	8.200	8.000	8.200	8.300	8.200	40.900
	Tổng cộng (1 + 2)	27.626	26.656	27.056	26.956	26.906	135.200

(*chi tiết tại Phụ biểu 01 kèm theo*)

V. PHƯƠNG THỨC VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phương thức thực hiện

Hàng năm, căn cứ Chương trình khuyến nông giai đoạn 2026 - 2030 được duyệt và nhu cầu thực tiễn sản xuất, thị trường, Trung tâm Khuyến nông tiến hành tổng hợp đề xuất, rà soát nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch khuyến nông báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định nội dung và trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Trên cơ sở kế hoạch Chương trình được duyệt và khả năng cân đối ngân sách hàng năm, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định và tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện Chương trình khuyến nông vào dự toán ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, đúng quy định các nội dung Chương trình khuyến nông giai đoạn 2026 - 2030. Trong đó:

- Căn cứ Chương trình này và quy định, chính sách liên quan, xây dựng, trình cấp thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch Khuyến nông hàng năm; trong đó, rà soát, đề xuất điều chỉnh các nội dung cho phù hợp với thực tế để nâng cao hiệu quả của Chương trình; hàng năm, tổng hợp tình hình kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Giao Trung tâm Khuyến nông chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch khuyến nông hàng năm để tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền; đào tạo tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất cho các đối tượng: đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến nông, thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác và các đối tượng khác tham gia trong chuỗi chuyển giao.

- Chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình, tổ chức sơ kết, tổng kết để đánh giá kết quả đạt được, đồng thời chuyển giao, nhân rộng và phát triển các mô hình hiệu quả.

2.2. Sở Tài chính: Trên cơ sở Kế hoạch Chương trình được duyệt và căn cứ khả năng cân đối ngân sách hàng năm, chủ trì phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh, HĐND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Chương trình.

2.3. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường (Trung tâm Khuyến nông) để triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung Chương trình.

2.4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tuyên truyền, vận động hội viên tích cực tham gia, tổ chức triển khai, thực hiện các hoạt động có liên quan trong công tác khuyến nông nhằm thúc đẩy khuyến nông trở thành phong trào rộng khắp, hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

2.5. Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa: Có trách nhiệm chỉ đạo các phòng, ban phối hợp với Trung tâm Khuyến nông tỉnh thực hiện tốt các chuyên mục khuyến nông; đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn, nông dân; giới thiệu, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới có hiệu quả, các điển hình tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp./.

PHỤ BIỂU 01:
KHÁI TOÁN KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TỈNH THANH HÓA, GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kinh phí thực hiện khoảng											
		2026		2027		2028		2029		2030		Tổng	
		Ngân sách	Đối ứng	Ngân sách	Đối ứng	Ngân sách	Đối ứng	Ngân sách	Đối ứng	Ngân sách	Đối ứng	Ngân sách	Đối ứng
1	Thông tin tuyên truyền	2.610	0	1.840	0	1.840	0	1.840	0	1.840	0	9.970	0
2	Đào tạo, tập huấn	2.166	0	2.166	0	2.166	0	2.166	0	2.166	0	10.830	0
3	Xây dựng và nhân rộng mô hình	14.650	8.200	14.650	8.000	14.850	8.200	14.650	8.300	14.700	8.200	73.500	40.900
3.1	Lĩnh vực trồng trọt	3.250	1.940	3.250	1.680	3.450	1.780	3.250	1.920	3.300	1.940	16.500	9.260
3.2	Lĩnh vực chăn nuôi	3.900	2.600	3.900	2.660	3.900	2.760	3.900	2.720	3.900	2.600	19.500	13.340
3.3	Lĩnh vực lâm nghiệp	3.800	1.160	3.800	1.160	3.800	1.160	3.800	1.160	3.800	1.160	19.000	5.800
3.4	Lĩnh vực thủy sản	3.700	2.500	3.700	2.500	3.700	2.500	3.700	2.500	3.700	2.500	18.500	12.500
Tổng cộng		19.426	8.200	18.656	8.000	18.856	8.200	18.656	8.300	18.706	8.200	94.300	40.900

PHỤ BIỂU 02**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TỈNH THANH HÓA, GIAI ĐOẠN 2026-2030**

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Dự kiến kết quả	Kinh phí hỗ trợ khoảng (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng khoảng (triệu đồng)
I	Thông tin tuyên truyền						9.970	0
1	Tập san thông tin Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa	Tập trung vào các vấn đề cấp bách, hiệu quả trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, là nguồn cung cấp thông tin kịp thời và hiệu quả cho những cán bộ khuyến nông, cán bộ nông nghiệp ở các địa phương và bà con nông dân trong tỉnh.	20 số	- Thông tin về các chính sách, pháp luật mới của nhà nước liên quan đến nông nghiệp, nông thôn, giúp người dân nắm bắt và thực hiện đúng. - Giới thiệu các mô hình sản xuất hiệu quả, các tấm gương nông dân sản xuất giỏi, giúp lan tỏa các điển hình tốt. - Chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, đưa tin về các hoạt động khuyến nông ở địa phương, các mô hình, dự án khuyến nông đang triển khai. - Chia sẻ kinh nghiệm thực tế của các nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh, quản lý, giúp người đọc học hỏi và áp dụng.	Toàn tỉnh	In ấn và phát hành 9.200 cuốn tập san thông tin Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa giúp cho cán bộ khuyến nông các cấp và người nông dân được thông tin kịp thời và hiệu quả những chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước, hoạt động sản xuất nông nghiệp, về nghiệp vụ khuyến nông, tiến bộ khoa học kỹ thuật, các mô hình hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp.	636	0
2	In lịch sản xuất nông nghiệp	Xây dựng khung thời vụ hợp lý, khoa học trên các đối tượng cây trồng vật nuôi, giúp cho nông dân áp dụng vào thực tế sản xuất hiệu quả nhất.	15.000 cuốn	Các lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản với từng loại cây con được hướng dẫn thời vụ cụ thể, giai đoạn chăm sóc, thu hoạch theo năm	Toàn tỉnh	In ấn và phát hành 15.000 cuốn lịch cho chính quyền địa phương và người nông dân để áp dụng cho đúng khung thời vụ.	375	0

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Dự kiến kết quả	Kinh phí hỗ trợ khoảng (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng khoảng (triệu đồng)
3	Sản xuất phim kỹ thuật	Nội dung các tiến bộ khoa học kỹ thuật nông, lâm, thủy sản phục vụ cho công tác tập huấn, tuyên truyền và cấp phát cho bà con nông dân trong toàn tỉnh.	05 phim	Các hình thức sản xuất mới, đổi tượng cây trồng, vật nuôi mới hiệu quả được xây dựng bằng phim theo từng giai đoạn, phim kỹ thuật được kết hợp giữa hình ảnh, âm thanh và hướng dẫn của các chuyên gia kỹ thuật.	Toàn tỉnh	Sản xuất được 05 phim kỹ thuật, thông qua phim kỹ thuật giúp cho người nông dân nắm chắc được quy trình kỹ thuật cho từng loại cây trồng, vật nuôi cụ thể và dễ dàng áp dụng vào sản xuất.	220	0
4	Tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng	Tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước; các phương án sản xuất nông nghiệp theo mùa vụ, hàng năm của Sở Nông nghiệp; các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp mang lại hiệu quả; giới thiệu các mô hình sản xuất nông lâm nghiệp mang lại hiệu quả, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm,...	380 chuyên mục truyền hình, 265 chuyên mục truyền thanh, 360 chuyên mục tiếng dân tộc, 100 bản tin khuyến cáo, 380 Chương trình truyền hình trên youtube, fanpage	Tuyên truyền trên đài phát thanh truyền hình, báo viết, các nền tảng mạng xã hội như Website, youtube về các mô hình hiệu quả, quy trình kỹ thuật, cách làm hay.	Toàn tỉnh	Thông qua công tác thông tin tuyên truyền góp phần nâng cao năng lực cho đội ngũ hoạt động khuyến nông, đặc biệt là chuyển giao nhanh các kiến thức và tiến bộ khoa học kỹ thuật để ứng dụng vào trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản cho nông dân, từ đó nâng cao được năng suất, sản lượng, chất lượng cây trồng, vật nuôi và giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp.	2.260	0

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Dự kiến kết quả	Kinh phí hỗ trợ khoảng (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng khoảng (triệu đồng)
5	Hội thảo nhân rộng mô hình	Tại các địa phương những mô hình điển hình tiên tiến có khả năng nhân rộng tại địa phương thì sẽ tổ chức hội thảo để người dân xung quanh khu vực mô hình, nơi có điều kiện đồng đất tương tự có thể học tập nhân rộng.	100 cuộc	Thảo luận, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, giới thiệu các mô hình sản xuất hiệu quả và đề xuất giải pháp để nhân rộng mô hình trong sản xuất nông nghiệp. Thời gian tổ chức: ½ ngày/hội thảo	Toàn tỉnh	Tổ chức 100 cuộc với quy mô 10.000 người (100 đại biểu/hội thảo). Địa điểm tổ chức tại các xã, phường với thành phần tham gia gồm: nhà quản lý, doanh nghiệp và người nông dân. Tại hội thảo, người nông dân nắm bắt được hiệu quả của mô hình, cách làm của chủ hộ và được các chuyên gia tư vấn về khả năng ứng dụng, nhân rộng tại địa phương.	3.275	0
6	Diễn đàn Khuyến nông @ nông nghiệp	Thông qua diễn đàn giúp người nông dân tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình sản xuất, từ đó góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp hiệu quả, bền vững và bảo vệ môi trường.	15 cuộc	Diễn đàn @ khuyến nông là nơi tạo cơ hội cho người nông dân, nhà quản lý, nhà khoa học và các doanh nghiệp kết nối, hợp tác cùng nhau; trao đổi, thảo luận về các vấn đề trong sản xuất nông nghiệp. Các nội dung hoạt động chính bao gồm: chia sẻ kinh nghiệm, cập nhật kiến thức, giải quyết khó khăn và tìm kiếm giải pháp phát triển bền vững. Thời gian tổ chức: 2 ngày/diễn đàn	Toàn tỉnh	Diễn đàn @ khuyến nông quy mô 3.000 – 3.500 người với thành phần là người nông dân, các chuyên gia, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước. Thông qua diễn đàn nâng cao nhận thức, chia sẻ kinh nghiệm thực tế và định hướng phát triển sản xuất	1.679	0

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Dự kiến kết quả	Kinh phí hỗ trợ khoảng (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng khoảng (triệu đồng)
						nông nghiệp theo hướng hiệu quả và bền vững hơn.		
7	Mua sắm thiết bị phục vụ công tác thông tin	Nâng cao chất lượng công tác thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng phục vụ tốt hơn cho việc chuyển giao TBKHKT	01 bộ	Mua sắm 01 bộ thiết bị, bao gồm: - Mua bộ camera quay phim chuyên dụng. - Mua thiết bị quay phim trên không flycam. - Máy tính dựng sản xuất chương trình truyền hình. - Phần mềm dựng sản xuất chương trình và các phần mềm hỗ trợ - Ổ cứng di động 18Tb.		Đa dạng hoá công tác thông tin tuyên truyền phục vụ tốt nhất cho việc chuyển giao TBKHKT trong thời đại 4.0	571	0
8	Tham quan học tập kinh nghiệm	Khảo sát, tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm các mô hình hiệu quả cao, tiếp nhận chuyển giao các mô hình, công nghệ mới.	5 chuyên	Tổ chức các đoàn khảo sát, học tập mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả, trên cơ sở đó nghiên cứu áp dụng các mô hình tiên tiến, phù hợp với điều kiện sản xuất tại Thanh Hóa. Thời gian: 5 ngày/chuyến tham quan.		Tổ chức 5 chuyến tham quan với quy mô 160 người (32 người/chuyến) cho cán bộ nông nghiệp cơ sở và người nông dân tiêu biểu tại các xã được đi khảo sát học tập mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả có thể ứng dụng tại Thanh Hoá nâng cao hiệu quả sản xuất cho nông dân.	604	0

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Dự kiến kết quả	Kinh phí hỗ trợ khoảng (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng khoảng (triệu đồng)
9	Chương trình quảng bá khuyến nông (bao gồm các hoạt động tuyên truyền, quảng bá trên Báo và Đài Phát thanh – Truyền hình Thanh Hóa, Báo Nông nghiệp và Môi trường)	Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi kiến thức, mô hình, chính sách khuyến nông đến với người sản xuất, doanh nghiệp và toàn xã hội. Nâng cao nhận thức và năng lực tiếp cận thông tin của người dân, góp phần thay đổi tư duy sản xuất theo hướng hiệu quả, bền vững.	25 bài	Giới thiệu các mô hình khuyến nông hiệu quả, phù hợp điều kiện địa phương. Hướng dẫn kỹ thuật canh tác về sản xuất nông nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất hữu cơ, các biện pháp phòng trừ dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Phổ biến chính sách mới, hỗ trợ sản xuất nông nghiệp. Những kết quả nổi bật trong công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh.		Lan tỏa các mô hình sản xuất hiệu quả, nhân rộng kinh nghiệm tốt ra các vùng khác. Tăng uy tín, vai trò của tổ chức khuyến nông trong hệ thống hỗ trợ nông dân. Góp phần thực hiện thành công các mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện, bền vững.	150	0
10	Xây dựng trang thông tin điện tử “Khuyến nông Thanh Hoá” phục vụ công tác thông tin tuyên truyền, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật	Phục vụ nhu cầu tìm hiểu, tra cứu và cập nhật thông tin của nông dân, cán bộ quản lý, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp nói chung và công tác khuyến nông nói riêng trên địa bàn tỉnh.	01 trang	Cập nhật kịp thời các chủ trương, chính sách, văn bản pháp luật liên quan đến nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Thông tin về giá cả thị trường, dự báo thời tiết, dịch bệnh, mùa vụ... để nông dân chủ động sản xuất. Phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, bảo quản sau thu hoạch. Cung cấp các mô hình khuyến nông hiệu quả, sản xuất sạch, ứng dụng công nghệ cao. Là công cụ để Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông theo dõi, thống kê, quản lý hoạt động khuyến nông trên địa		Hình thành một kênh thông tin chính thức, tin cậy để cung cấp, phổ biến các nội dung liên quan đến kỹ thuật sản xuất, chính sách, thị trường, dịch bệnh... Nâng cao chất lượng công tác khuyến nông theo hướng hiện đại, đồng thời tiết kiệm thời gian và chi phí truyền thông. Hỗ trợ quá trình chuyển giao KHKT đến tận người sản xuất một cách hiệu quả hơn.	200	0

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Dự kiến kết quả	Kinh phí hỗ trợ khoảng (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng khoảng (triệu đồng)
				bàn tính. Hỗ trợ việc xây dựng cơ sở dữ liệu nông nghiệp, phục vụ công tác hoạch định chính sách.		Là cơ sở dữ liệu hữu ích để lưu trữ, thống kê, tổng hợp thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của ngành.		
II	Đào tạo, tập huấn						10.830	0
1	Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, phương pháp, nghiệp vụ, công nghệ thông tin, bổ sung, cập nhật các tiên bộ khoa học kỹ thuật mới áp dụng trong sản xuất cho khuyến nông viên cơ sở, tổ khuyến nông cộng đồng, cộng tác viên khuyến nông và nông dân	Nâng cao kiến thức, kỹ năng cho khuyến nông viên cơ sở, cộng tác viên khuyến nông, là cầu nối chuyển giao nhanh tiến bộ kỹ thuật, khoa học tới người nông dân nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động khuyến nông tại cơ sở. Giúp người nông dân nâng cao kiến thức, kỹ năng sản xuất và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ, phương thức canh tác tiên tiến vào sản xuất, nâng cao năng suất, sản lượng, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa.	140 lớp	- Tập huấn về sản xuất theo tiêu chuẩn GAP, VietGAP; sản xuất nông nghiệp CNC, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu... - Tập huấn về marketing thị trường, công nghệ số, xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, kỹ năng tư vấn bán hàng. - Thời gian tổ chức: 2 ngày/lớp	Toàn tỉnh	Tổ chức tập huấn 140 lớp cho 4.900 học viên (35 người/lớp) là khuyến nông viên cơ sở, cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng và người nông dân nắm được kiến thức, vận hành vào sản xuất nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế.	5.947	0

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Dự kiến kết quả	Kinh phí hỗ trợ khoảng (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng khoảng (triệu đồng)
2	Đào tạo huấn luyện kỹ thuật theo phương pháp FFS trên cây trồng, vật nuôi cho khuyến nông viên cơ sở, tổ khuyến nông cộng đồng, cộng tác viên khuyến nông và nông dân	Giúp nông dân hiểu biết hơn về kỹ thuật canh tác, quản lý cây trồng. Đào tạo nông dân các kỹ năng thực hành và áp dụng các phương pháp canh tác bền vững. Tạo cơ hội cho nông dân trao đổi kinh nghiệm và chia sẻ thực hành tốt giữa các thành viên.	60 lớp	Bám sát vào quy trình sản xuất của từng loại cây trồng để xây dựng giáo trình, kết hợp giữa học lý thuyết với thực hành trên đồng ruộng. Thời gian tổ chức: 8 - 9 ngày/lớp, theo thời gian sinh trưởng của từng loại cây trồng	Toàn tỉnh	Tổ chức 60 lớp tập huấn FFS cho 1.800 người (30 người/lớp) là khuyến nông viên cơ sở, tổ khuyến nông cộng đồng và nông dân tại các địa phương trong tỉnh được nâng cao kỹ năng thực hành, kỹ năng phát hiện sâu bệnh và nắm chắc các quy trình kỹ thuật vào sản xuất.	4.283	0
3	Tập huấn chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới áp dụng trong sản xuất trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản... cho nông dân	Cập nhật, trang bị kiến thức và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật mới giúp cho người nông dân nắm bắt được các kiến thức, áp dụng các tiến bộ, công nghệ mới vào sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.	50 lớp	Căn cứ đăng ký của địa phương và căn cứ vào thực tế những phát sinh trong sản xuất như thiên tai, dịch bệnh để mở lớp tập huấn với nội dung sát với thực tế của xã. Thời gian tổ chức: 1 ngày/lớp	Toàn tỉnh	Tổ chức 50 lớp tập huấn tại xã cho 2.500 học viên (50 học viên/lớp) là người nông dân. Thông qua các lớp tập huấn người nông dân được tiếp cận các tiến bộ mới, nâng cao kiến thức, kỹ năng, từ đó tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và thu nhập. Ngoài ra, tập huấn còn góp phần xây dựng các mô hình sản xuất hiệu quả, hình	600	0

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Dự kiến kết quả	Kinh phí hỗ trợ khoảng (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng khoảng (triệu đồng)
						thành các vùng sản xuất chuyên canh, thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn.		
III. Xây dựng và nhân rộng mô hình							73.500	40.900
1. Lĩnh vực trồng trọt							16.500	9.260
1.1	Mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lúa chất lượng theo hướng giảm phát thải gắn với tiêu thụ sản phẩm	- Đẩy mạnh việc áp dụng TBKT về giống, đưa giống mới, chất lượng vào sản xuất và các biện pháp canh tác kỹ thuật như IPHM, ICM, IPM, SRI, 3 tăng 3 giảm, tưới nước tiết kiệm..., áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp giúp người nông dân giảm chi phí sản xuất (giảm lượng giống, giảm thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ cỏ, phân bón, công lao động,...) nhằm nâng cao chất lượng lúa gạo phục vụ nội tiêu và xuất khẩu lúa gạo; đồng thời góp phần giảm lượng	≥ 800 ha	1. Xây dựng mô hình sản xuất lúa chất lượng thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải. Ứng dụng các tiến bộ KT vào sản xuất lúa, như: Cơ giới hóa đồng bộ, IPHM, ICM, IPM, SRI, 3 tăng 3 giảm, tưới nước tiết kiệm... sản xuất lúa thích ứng với biến đổi khí hậu; gắn sản xuất với tiêu thụ giữa nông dân, doanh nghiệp, HTX. 2. Tổ chức cho các hộ liên kết với nhau hoặc liên kết với các THT/HTX, doanh nghiệp tổ chức quản lý để hình thành các môi liên kết tiêu thụ sản phẩm. 3. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho người dân trong và ngoài mô hình, khuyến nông viên cơ sở, các thành viên tổ khuyến nông cộng đồng	Xã đồng bằng	1. Xây dựng thành công 5 mô hình ứng dụng TBKT trong sản xuất lúa chất lượng theo hướng giảm phát thải gắn với tiêu thụ sản phẩm với quy mô trên 800ha, năng suất lúa đạt ≥ 60 tạ/ha, chi phí đầu vào giảm tối thiểu 15% so với đại trà và thích ứng với biến đổi khí hậu. Hiệu quả kinh tế $\geq 15\%$ so với sản xuất đại trà, trên 80% sản phẩm trong mô hình được tiêu thụ thông qua hoạt động liên kết.	9.600	5.160

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Dự kiến kết quả	Kinh phí hỗ trợ khoảng (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng khoảng (triệu đồng)
		khí phát thải nhà kính tại các vùng sản xuất lúa. - Xây dựng và phát triển bền vững vùng lúa, liên kết sản xuất với tiêu thụ lúa giữa nông dân, HTX và doanh nghiệp.		4. Tổ chức hội nghị tổng kết, tham quan/hội thảo nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.		2. Các học viên nắm vững kiến thức và áp dụng thành công vào tổ chức sản xuất. 3. Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô mô hình được phê duyệt.		
1.2	Mô hình sản xuất rau quả theo hướng (hữu cơ; VietGAP...)	- Đẩy mạnh sản xuất rau quả theo hướng an toàn, chất lượng và hiệu quả gắn với tiêu thụ sản phẩm. - Áp dụng các quy trình theo hướng hữu cơ, VietGAP... trên cây rau quả. - Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, sức cạnh tranh trên thị trường. Hình thành các vùng sản xuất tập trung rau quả an toàn. - Nâng cao nhận thức của người dân trong sản xuất nông nghiệp, giảm chi phí đầu vào, nâng cao hiệu quả kinh tế và phát triển bền vững.	≥ 50 ha	1. Xây dựng mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ; VietGAP trên cây rau quả cung cấp cho thị trường. 2. Tổ chức cho các hộ liên kết với nhau hoặc liên kết với các THT/HTX, doanh nghiệp tổ chức quản lý để hình thành các mối liên kết tiêu thụ sản phẩm. 3. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho người dân trong và ngoài mô hình, khuyến nông viên cơ sở, các thành viên tổ khuyến nông cộng đồng 4. Tổ chức hội nghị tổng kết, tham quan/hội thảo nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.	Xã đồng bằng	1) Xây dựng thành công 5 - 10 mô hình sản xuất rau quả theo hướng VietGap, hữu cơ ... quy mô hơn 50ha, chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế tăng $> 15\%$ so với ngoài mô hình (sản xuất đại trà), trên 80% sản phẩm trong mô hình được tiêu thụ thông qua hoạt động liên kết. 2. Các học viên nắm vững kiến thức và áp dụng thành công vào tổ chức sản xuất. 3. Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô mô hình được phê duyệt.	1.500	1.030
1.3	Mô hình chuyên	- Chuyển đổi một phần	≥ 20 ha	1. Xây dựng mô hình chuyển đổi	Xã	1. Xây dựng thành	3.100	1.530

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Dự kiến kết quả	Kinh phí hỗ trợ khoảng (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng khoảng (triệu đồng)
	đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa, đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm kém hiệu quả sang trồng các loại cây có hiệu quả kinh tế cao hơn (cây ăn quả, hoa cây cảnh...)	diện tích trồng lúa hoặc cây trồng có hiệu quả thấp sang cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn; áp dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý, để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả đầu tư. - Tổ chức sản xuất theo hướng bền vững, bảo vệ môi trường, cải tạo đất; nâng cao hiệu suất sản xuất nông nghiệp và nâng cao hiệu quả sử dụng ruộng đất; tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích. - Liên kết hộ trồng với hợp tác xã, doanh nghiệp tiêu thụ để đảm bảo giá cả và thị trường đầu ra.		cơ cấu cây trồng trên đất lúa, đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm kém hiệu quả sang trồng các loại cây có hiệu quả kinh tế cao hơn (cây ăn quả, hoa cây cảnh...) 2. Tổ chức cho các hộ liên kết với nhau hoặc liên kết với các THT/HTX, doanh nghiệp tổ chức quản lý để hình thành các mối liên kết tiêu thụ sản phẩm. 3. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho người dân trong và ngoài mô hình, khuyến nông viên cơ sở, các thành viên tổ khuyến nông cộng đồng 4. Tổ chức hội nghị tổng kết, tham quan/hội thảo nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.	đồng bằng và miền núi	công 5 - 10 mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa, đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm kém hiệu quả sang trồng các loại cây có hiệu quả kinh tế cao hơn (cây ăn quả, hoa cây cảnh...) quy mô hơn 20ha - Dự kiến: Chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế tăng > 15% so với ngoài mô hình (sản xuất đại trà), trên 80% sản phẩm trong mô hình được tiêu thụ thông qua hoạt động liên kết. 2. Các học viên nắm vững kiến thức và áp dụng thành công vào tổ chức sản xuất. 3. Nhân rộng mô hình $\geq$ 20% so với quy mô mô hình được phê duyệt.		
1.4	Mô hình sản xuất	- Ứng dụng đồng bộ các	≥ 100 ha	1. Xây dựng mô hình sản xuất	Xã	1. Xây dựng thành	2.000	1.320

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Dự kiến kết quả	Kinh phí hỗ trợ khoảng (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng khoảng (triệu đồng)
	hàng hoá tập trung (sắn, ngô, rau màu...) gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.	tiến bộ kỹ thuật về giống, phân bón, kỹ thuật canh tác để sản xuất trên các đối tượng cây trồng (sắn, ngô, rau màu...), trên các chân đất đồi thấp, bãi, đất lúa chuyển đổi... giảm chi phí lao động, tăng hiệu quả kinh tế/đơn vị diện tích, phát triển thành ngành sản xuất hàng hóa quy mô lớn, tạo vùng nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu và tiêu dùng trong nước. - Liên kết tiêu thụ sản phẩm cho người dân.		hàng hoá tập trung (sắn, ngô, rau màu...) 2. Tổ chức cho các hộ liên kết với nhau hoặc liên kết với các THT/HTX, doanh nghiệp tổ chức quản lý để hình thành các mối liên kết tiêu thụ sản phẩm. 3. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho người dân trong và ngoài mô hình, khuyến nông viên cơ sở, các thành viên tổ khuyến nông cộng đồng 4. Tổ chức hội nghị tổng kết, tham quan/hội thảo nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.	đồng bằng	công 5 - 10 mô hình sản xuất hàng hoá tập trung (sắn, ngô, rau màu...) quy mô hơn 100ha, gắn với liên kết với doanh nghiệp, nhà hàng, chuỗi cửa hàng... cung cấp, tiêu thụ sản phẩm. 2. Hiệu quả MH cao hơn ngoài mô hình ít nhất 15-20%; trên 80% sản phẩm trong mô hình được tiêu thụ thông qua hoạt động liên kết. 3. Các học viên nắm vững kiến thức và áp dụng thành công vào tổ chức sản xuất. 4. Nhân rộng mô hình $\geq$ 20% so với quy mô mô hình được phê duyệt.		
1.5	Mô hình thâm canh các giống nho mới (nho hạ đen, nho sữa, nho mẫu đơn...) theo	Đưa nhanh các tiến bộ KHKT xây dựng và hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, trồng một số các loại giống nho	$\geq$ 01 ha	1. Xây dựng mô hình trồng thâm canh các giống nho mới (nho hạ đen, nho sữa, nho mẫu đơn). Áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật trong sản xuất như sử dụng	Xã đồng bằng	1. Xây dựng thành công 02 mô hình thâm canh các giống nho mới (nho hạ đen, nho sữa, nho mẫu đơn...)	300	220

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Dự kiến kết quả	Kinh phí hỗ trợ khoảng (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng khoảng (triệu đồng)
	tiêu chuẩn VietGAP gắn với thị trường tiêu thụ	mới (nho hạ đen, nho sữa, nho mầu đơn) theo tiêu chuẩn VietGAP, phù hợp với điều kiện sinh thái tỉnh Thanh Hóa nhằm đột phá về năng suất sản lượng, chuyển dịch cơ cấu cây trồng và nâng cao hiệu quả kinh tế, tiến đến nhân rộng, tạo vùng nguyên liệu để phát triển thành sản phẩm OCOP tại các địa phương trong tỉnh.		giống có năng suất cao, chất lượng tốt, phù hợp với điều kiện địa phương; áp dụng nhà màng kiên cố; sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP gắn với thị trường tiêu thụ. 2. Tổ chức cho các hộ liên kết với nhau hoặc liên kết với các THT/HTX, doanh nghiệp tổ chức quản lý để hình thành các mối liên kết tiêu thụ sản phẩm. 3. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho người dân trong và ngoài mô hình, khuyến nông viên cơ sở, các thành viên tổ khuyến nông cộng đồng 4. Tổ chức hội nghị tổng kết, tham quan/hội thảo nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.		theo tiêu chuẩn VietGAP gắn với thị trường tiêu thụ, quy mô 1ha 2. Chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế tăng >15% so với ngoài mô hình (sản xuất đại trà), trên 80% sản phẩm trong mô hình được tiêu thụ thông qua hoạt động liên kết. 3. Các học viên nắm vững kiến thức và áp dụng thành công vào tổ chức sản xuất. 4. Nhân rộng mô hình $\geq$ 20% so với quy mô mô hình được phê duyệt.		
2. Lĩnh vực chăn nuôi							19.500	13.340
2.1	Xây dựng mô hình chăn nuôi gia cầm thương phẩm (gà, vịt, ngan...) gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	- Áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm thịt gia cầm, tăng giá trị có sức cạnh tranh trên thị trường. - Ứng dụng các tiến bộ kỹ	≥ 120.000 con	1. Xây dựng mô hình chăn nuôi gia cầm thương phẩm đảm bảo an toàn sinh học gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. 2. Tổ chức cho các hộ chăn nuôi liên kết với nhau và/hoặc liên kết với các THT/HTX, doanh nghiệp tổ chức quản lý để hình thành các	Xã đồng bằng và miền núi	1. Xây dựng thành công 20 - 25 mô hình chăn nuôi gia cầm thương phẩm đảm bảo an toàn sinh học quy mô ≥ 120.000 con. Sau khi kết thúc đàn gia cầm có tỷ lệ nuôi sống	10.164	7.620

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Dự kiến kết quả	Kinh phí hỗ trợ khoảng (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng khoảng (triệu đồng)
		thuật tiên tiến, công nghệ mới gắn với tiêu thụ sản phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm chăn nuôi gia cầm an toàn, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường, mang lại giá trị hiệu quả kinh tế cao. Qua đó góp phần thúc đẩy phát triển chăn nuôi gia cầm thương phẩm một cách bền vững, tạo công ăn việc làm cho người dân. - Tổ chức mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị		môi liên kết tiêu thụ sản phẩm. 3. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho người dân trong và ngoài mô hình, cán bộ thú y, khuyến nông viên cơ sở, các thành viên tổ khuyến nông cộng đồng 4. Tổ chức hội nghị tổng kết, tham quan/hội thảo nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.		cao, khối lượng cơ thể đạt và vượt yêu cầu đề ra, tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng thấp. 2. Ký kết được 25 hợp đồng liên kết chăn nuôi, tiêu thụ sản phẩm, trên 70% số gia cầm trong các mô hình được tiêu thụ thông qua hoạt động liên kết. 3. Các học viên nắm vững kiến thức về chăn nuôi gia cầm ATSH, 100% các hộ tham gia mô hình áp dụng thành công vào tổ chức sản xuất. 4. Mô hình đem lại giá trị, hiệu quả kinh tế cao cho các hộ tham gia mô hình và cao hơn so với đại trà.		
2.2	Xây dựng mô hình chăn nuôi gia cầm (gà, vịt, chim bồ câu...) sinh sản theo hướng công nghệ	Ứng dụng các TBKT và công nghệ hiện đại (lắp đặt hệ thống làm mát, máng ăn, máng uống tự động, hệ thống quản lý thông minh...) và thiết	≥ 20.000 con	1. Xây dựng mô hình chăn nuôi gia cầm sinh sản trong chuồng kín sử dụng hệ thống máng ăn, máng uống tự động/bán tự động đảm bảo an toàn sinh học. 2. Tổ chức cho các hộ chăn nuôi	Xã đồng bằng	1. Xây dựng thành công 5 - 10 mô hình chăn nuôi gia cầm (gà, vịt, chim bồ câu...) sinh sản theo hướng công nghệ cao gắn với	3.690	3.560

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Dự kiến kết quả	Kinh phí hỗ trợ khoảng (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng khoảng (triệu đồng)
	cao gắn với liên kết với tiêu thụ sản phẩm	lập các mối quan hệ hợp tác với các đối tác (doanh nghiệp, HTX...) nhằm phát triển chăn nuôi gia cầm sinh sản với năng suất, chất lượng thịt/trứng cao, đảm bảo an toàn, giảm thiểu công lao động, tối ưu hóa lợi nhuận. Qua đó thúc đẩy phát triển chăn nuôi gia cầm sinh sản một cách bền vững, tạo công ăn việc làm cho người dân.		liên kết với nhau và/hoặc liên kết với các THT/HTX, doanh nghiệp tổ chức quản lý sản xuất để hình thành các mối liên kết tiêu thụ sản phẩm của mô hình. 3. Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho người dân trong và ngoài mô hình, cán bộ thú y, khuyến nông viên cơ sở, các thành viên tổ khuyến nông cộng đồng. 4. Tổ chức hội nghị tổng kết, tham quan/hội thảo nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.		liên kết với tiêu thụ sản phẩm, quy mô ≥ 20.000 con. Sau khi kết thúc đàn gia cầm có tỷ lệ nuôi sống cao $\geq 90\%$, khả năng sinh sản (sản lượng trứng số con/mái...) đạt cao, tỷ lệ loại thải thấp ($\leq 2\%$/tháng); 2. Ký kết được 5 hợp đồng liên kết chăn nuôi, tiêu thụ sản phẩm, trên 80% sản phẩm trong mô hình được tiêu thụ thông qua hoạt động liên kết. 3. Các học viên nắm vững kiến thức về chăn nuôi gia cầm sinh sản, 100% các hộ tham gia mô hình áp dụng thành công vào tổ chức sản xuất. 4. Mô hình đem lại giá trị, hiệu quả kinh tế cao cho các hộ tham gia mô hình và cao hơn so với đại trà.		
2.3	Xây dựng mô	Áp dụng tiến bộ kỹ thuật,	≥ 14.500	1. Xây dựng mô hình chăn nuôi	Xã	1. Xây dựng thành	4.262	1.560

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Dự kiến kết quả	Kinh phí hỗ trợ khoảng (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng khoảng (triệu đồng)
	hình phát triển chăn nuôi vật nuôi bản địa/đặc sản (vịt Cổ Lũng, vịt Bầu, dê, lợn rừng (đời lai F ⁿ), dú, cây hương ...) nhằm phục vụ phát triển du lịch và đáp ứng nhu cầu thị trường	biện pháp ATSH để phát triển chăn nuôi vật nuôi bản địa/đặc sản thương phẩm theo hướng tạo ra một hệ sinh thái kinh tế bền vững, khai thác hiệu quả giá trị của vật nuôi bản địa, vừa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đặc sản chất lượng cao, vừa góp phần quảng bá văn hóa địa phương và thúc đẩy du lịch phát triển. Đồng thời, góp phần bảo tồn và phát triển nguồn gen quý hiếm của các giống vật nuôi tại Thanh Hóa, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển chăn nuôi các giống vật nuôi bản địa/vật nuôi đặc sản một cách bền vững tạo sinh kế cho người dân vùng miền núi.	con	vật nuôi bản địa/đặc sản thương phẩm đảm bảo an toàn sinh học 2. Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho người dân trong và ngoài mô hình, cán bộ thú y, khuyến nông viên cơ sở, các thành viên tổ khuyến nông cộng đồng 3. Tổ chức hội nghị tổng kết, tham quan/hội thảo nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.	miền núi	công 10 - 15 mô hình phát triển chăn nuôi vật nuôi bản địa/đặc sản (vịt Cổ Lũng, vịt Bầu, dê, lợn rừng (đời lai F ⁿ), dú, cây hương ...) nhằm phục vụ phát triển du lịch và đáp ứng nhu cầu thị trường, quy mô ≥ 14.500 con. Sau khi xuất chuồng đàn vật nuôi có tỷ lệ nuôi sống $\geq 90\%$, khối lượng xuất chuồng cao, tiêu tốn thức ăn thấp, chất lượng thịt thơm ngon, được thị trường ưa chuộng. 2. Các học viên nắm vững kiến thức về chăn nuôi đảm bảo an toàn sinh học, 100% các hộ áp dụng thành công vào tổ chức sản xuất. 3. Mô hình đem lại giá trị, hiệu quả kinh tế cao cho các hộ tham		

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Dự kiến kết quả	Kinh phí hỗ trợ khoảng (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng khoảng (triệu đồng)
						gia mô hình và cao hơn so với đại trà.		
2.4	Xây dựng mô hình nuôi ong lấy mật làm nguyên liệu cho sản phẩm OCOP	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến giúp phát triển nuôi ong và khai thác mật một cách hiệu quả, chất lượng cao, ổn định, có nguồn gốc rõ ràng, đáp ứng các tiêu chuẩn của chương trình OCOP, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm địa phương, phát triển kinh tế cộng đồng và bảo vệ môi trường thông.	≥ 800 đàn	1. Xây dựng mô hình nuôi ong lấy mật với quy mô ≥ 800 đàn ong mật (giống ong nội Apis cerana). 2. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức về nuôi ong cho người dân trong và ngoài mô hình, cán bộ thú y, khuyến nông viên cơ sở, thành viên tổ khuyến nông cộng đồng. 3. Tổ chức hội nghị tổng kết, tham quan/hội thảo nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 4. Tổ chức sản xuất sản phẩm mật ong OCOP.	Xã đồng bằng và miền núi	1. Xây dựng thành công 05 mô hình nuôi ong lấy mật làm nguyên liệu cho sản phẩm OCOP. Sau khi kết thúc đàn ong sinh trưởng, phát triển tốt, năng suất mật đạt ≥ 12 kg khả năng tạo chúa/nhân đàn đạt ≥ 2 lần/năm. 2. Mỗi năm sản xuất được trên 01 sản phẩm OCOP cấp tỉnh. 3. Các học viên nắm vững kiến thức về nuôi ong và chế biến sản phẩm mật ong. 100% các hộ áp dụng thành công vào tổ chức sản xuất. 4. Mô hình đem lại giá trị, hiệu quả kinh tế cao cho các hộ tham gia mô hình và cao hơn so với đại trà.	1.384	600
3. Lĩnh vực lâm nghiệp							19.000	5.800

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Dự kiến kết quả	Kinh phí hỗ trợ khoảng (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng khoảng (triệu đồng)
3.1	Mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn theo hướng quản lý rừng bền vững (keo lai mô)	- Chuyển giao các giống Keo lai có năng suất, chất lượng cao và tiến bộ kỹ thuật lâm sinh về trồng rừng Keo lai để phát triển trồng rừng thâm canh cung cấp gỗ lớn, góp phần hình thành vùng nguyên liệu sản xuất gỗ lớn theo hướng quản lý rừng bền vững phục vụ nhu cầu chế biến trong nước và xuất khẩu. - Nâng cao năng suất và chất lượng rừng trồng sản xuất, tăng hiệu quả kinh tế cho các hộ tham gia.	≥ 700 ha	1. Xây dựng mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn theo hướng quản lý rừng bền vững bằng giống keo lai mô mới AH1, AH7, BV523, BV584 2. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho người dân trong và ngoài mô hình, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng. 3. Tổ chức hội nghị tổng kết; hội thảo; thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.	Xã miền núi	1. Xây dựng thành công 05 mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn theo hướng quản lý rừng bền vững (keo lai mô), quy mô ≥ 700 ha: Tỷ lệ sống của mô hình $\geq 90\%$; năng suất đạt $\geq 25 \text{ m}^3/\text{ha}/\text{năm}$. 2. Hiệu quả kinh tế của MH tăng $\geq 15\%$ so với sản xuất ngoài MH. 3. Các học viên nắm vững kiến thức và áp dụng thành công vào tổ chức sản xuất. 4. Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô mô hình được phê duyệt.	9.317	2.900
3.2	Mô hình trồng rừng thâm canh keo lá tràm theo hướng công nghệ cao	Ứng dụng, chuyển giao TBKT mới về giống keo lá tràm sản xuất bằng công nghệ nuôi cấy mô, sinh trưởng nhanh, sinh khối lớn, độ đồng đều cao phục vụ trồng rừng tại tỉnh; áp dụng đồng bộ biện pháp kỹ thuật trong	≥ 250 ha	1. Xây dựng mô hình trồng rừng thâm canh keo lá tràm theo hướng công nghệ cao bằng cây nuôi cấy mô, giống Clt7, Clt18, Clt98.... 2. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho người dân trong và ngoài mô hình, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng. 3. Tổ chức hội nghị tổng kết; hội	Xã miền núi	1. Xây dựng thành công 5 mô hình trồng rừng thâm canh theo hướng CNC bằng giống keo lá tràm mô, quy mô ≥ 250 ha: Tỷ lệ sống của MH $\geq 90\%$; năng suất đạt $\geq 20 \text{ m}^3/\text{ha}/\text{năm}$. 2. Hiệu quả kinh tế của	4.864	1.330

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Dự kiến kết quả	Kinh phí hỗ trợ khoảng (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng khoảng (triệu đồng)
		trồng thâm canh để nâng cao năng suất, chất lượng gỗ rừng trồng, tạo ra sản phẩm có giá trị cao, đáp ứng nhu cầu thị trường và xuất khẩu, góp phần bảo vệ môi trường, sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu.		thảo; thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.		MH tăng $\geq 15\%$ so với sản xuất ngoài mô hình 3. Các học viên nắm vững kiến thức và áp dụng thành công vào tổ chức sản xuất. 4. Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô mô hình được phê duyệt..		
3.3	Mô hình trồng rừng thâm canh cây quế làm vùng nguyên liệu cho chế biến tinh dầu và sản phẩm OCOP	Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật lâm sinh để phát triển cây quế theo hướng sản xuất hàng hoá, đảm bảo hình thành các vùng trồng quế tập trung tại một số địa phương có điều kiện phù hợp, tạo liên kết sản xuất gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ, là vùng nguyên liệu cho chế biến tinh dầu quế, hình thành chuỗi ngành hàng có giá trị cao; áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị, thương hiệu và sức cạnh tranh	≥ 40 ha	1. Xây dựng mô hình trồng thâm canh cây quế gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm 2. Tổ chức cho các hộ liên kết với nhau hoặc liên kết với các THT/HTX, doanh nghiệp tổ chức quản lý để hình thành các mối liên kết tiêu thụ sản phẩm. 3. Tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho người dân trong và ngoài mô hình, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng. 4. Tổ chức hội nghị tổng kết; hội thảo; thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.	Xã miền núi	1. Xây dựng thành công 5 mô hình trồng thâm canh cây quế gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, quy mô ≥ 40 ha: Tỷ lệ sống của mô hình $\geq 85\%$; dự kiến: Năng suất vỏ đạt ≥ 8 tấn/ha/năm. Sản lượng tinh dầu đạt ≥ 80 lít/ha/năm. Gỗ quế khai thác từ tía thừa với năng suất 5-10 m ³ /ha/năm (sau 6-10 năm trồng). Vỏ quế có hàm lượng tinh dầu từ 3-5% đạt tiêu chuẩn sản xuất sản phẩm. 2. Hiệu quả kinh tế của	1.968	550

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Dự kiến kết quả	Kinh phí hỗ trợ khoảng (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng khoảng (triệu đồng)
		của sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.				MH tăng $\geq 15\%$ so với sản xuất ngoài MH. 3. Các học viên nắm vững kiến thức và áp dụng thành công vào tổ chức sản xuất. 4. Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô mô hình được phê duyệt.		
3.4	Mô hình trồng thâm canh cây được liệu gắn với tiêu thụ sản phẩm	Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật để phát triển cây được liệu theo hướng sản xuất hàng hoá, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, là vùng nguyên liệu chế biến các sản phẩm, hình thành chuỗi ngành hàng có giá trị cao, góp phần tạo sinh kế, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu hiện nay.	≥ 25 ha	1. Xây dựng mô hình trồng thâm canh cây được liệu gắn với tiêu thụ sản phẩm (khô tía, cát sâm, sa nhân, nghệ....) 2. Tổ chức cho các hộ liên kết với nhau hoặc liên kết với các THT/HTX, doanh nghiệp tổ chức quản lý để hình thành các mối liên kết tiêu thụ sản phẩm. 3. Tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho người dân trong và ngoài mô hình, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng. 4. Tổ chức hội nghị tổng kết; hội thảo; thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.	Xã miền núi	1. Xây dựng thành công 5 - 10 mô hình liên kết hộ trồng thâm canh cây được liệu gắn với tiêu thụ sản phẩm (cây gừng, nghệ....); năng suất đạt 20-25 tấn/ha cao hơn 20% so với ngoài MH, hình thành được vùng nguyên liệu cho sản phẩm. 2. Các học viên nắm vững kiến thức và áp dụng thành công vào tổ chức sản xuất. 3. Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô mô hình được phê duyệt.	2.851	1.020
4. Lĩnh vực thủy sản							18.500	12.500

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Dự kiến kết quả	Kinh phí hỗ trợ khoảng (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng khoảng (triệu đồng)
4.1	Ứng dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật nuôi tôm công nghệ cao đạt tiêu chuẩn VietGAP (tôm sú; tôm thẻ chân trắng, tôm càng xanh...)	Ứng dụng công nghệ cao, ứng dụng thiết bị công nghệ, công nghệ sinh học... vào nuôi tôm nhằm thúc đẩy nghề nuôi tôm trở thành ngành sản xuất chủ lực cung cấp nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu và tiêu dùng trong nước, đồng thời nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc.	≥ 5 ha	- Xây dựng mô hình nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng; nuôi bán thâm canh tôm sú, tôm càng xanh ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao; quy trình nuôi 2 – 3 giai đoạn. - Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. - Tổ chức hoạt động tập huấn nâng cao năng lực cho nông dân và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng/khuyến nông viên cơ sở; tham quan, tổng kết. - Tổ chức hội thảo thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.	Xã đồng bằng	1. Xây dựng thành công 5 - 10 mô hình ứng dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật nuôi tôm công nghệ cao đạt tiêu chuẩn VietGAP (tôm sú; tôm thẻ chân trắng, tôm càng xanh...), quy mô ≥ 5 ha: Tỷ lệ sống của MH $\geq 75\%$. 2. Hiệu quả kinh tế của MH tăng $\geq 15\%$ so với sản xuất ngoài mô hình 3. Các học viên nắm vững kiến thức và áp dụng thành công vào tổ chức sản xuất. 4. Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô mô hình được phê duyệt.	2.504	1.900
4.2	Phát triển nghề nuôi cá lồng trên hồ chứa gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm (cá lăng, cá chiên, nheo mỹ...)	Khai thác tiềm năng và sử dụng hiệu quả mặt nước để phát triển nuôi cá lồng thành một ngành sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Tăng quy mô sản xuất và chuyển đổi sang lồng nuôi công nghiệp, đồng	≥ 2.000 m ³	- Xây dựng mô hình nuôi thâm canh các đối tượng có giá trị kinh tế gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm nhằm ổn định sinh kế cho nông dân, thúc đẩy ngành nuôi trồng thủy sản vùng lồng hồ phát triển bền vững. - Tổ chức liên kết tiêu thụ sản	Xã miền núi	1. Xây dựng thành công 5 - 10 mô hình phát triển nghề nuôi cá lồng trên hồ chứa gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm (cá lăng, cá chiên, nheo mỹ...), quy mô ≥ 2.000 m ³ : Tỷ lệ sống	1.579	490

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Dự kiến kết quả	Kinh phí hỗ trợ khoảng (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng khoảng (triệu đồng)
		bộ, an toàn, hiệu quả, bền vững và thân thiện với môi trường sinh thái; liên kết tiêu thụ tạo ra sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài tỉnh; giải quyết việc làm, ổn định sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân vùng miền núi.		phẩm giữa người nuôi và doanh nghiệp chế biến, nhà phân phối mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. - Đào tạo, tập huấn cho các hộ nông dân, cán bộ khuyến nông viên cơ sở/ thành viên tổ khuyến nông cộng đồng trên địa bàn nơi thực hiện. - Tổ chức hội thảo thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.		của MH $\geq 70\%$; năng suất đạt $\geq 10 \text{ kg/m}^3$ 2. Hiệu quả kinh tế của MH tăng $\geq 15\%$ so với sản xuất ngoài mô hình 3. Các học viên nắm vững kiến thức và áp dụng thành công vào tổ chức sản xuất. 4. Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô mô hình được phê duyệt.		
4.3	Ứng dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật nuôi thâm canh các đối tượng thủy sản gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm (cá múi trăn châu, cá dìa, cá tráp, cá nâu, cá rô phi, cá nheo, cá chép...)	Ứng dụng nuôi một số loài cá có giá trị kinh tế cao; khai thác tiềm năng, sử dụng hiệu quả diện tích mặt nước để phát triển nuôi các đối tượng có giá trị thành sản xuất hàng hóa quy mô lớn, an toàn, hiệu quả, bền vững, tạo ra sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, liên kết tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo an	$\geq 15 \text{ ha}$	- Xây dựng mô hình nuôi thâm canh cá gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm nhằm ổn định sinh kế cho người sản xuất, thúc đẩy nghề nuôi các đối tượng thủy sản phát triển thành vùng sản xuất tập trung và bền vững. - Tổ chức liên kết tiêu thụ sản phẩm giữa người nuôi và doanh nghiệp, nhà phân phối mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. - Đào tạo, tập huấn cho các hộ nông dân, cán bộ khuyến nông viên cơ sở/thành viên tổ khuyến nông cộng đồng trên địa bàn nơi thực hiện. - Tổ chức hội thảo thông tin tuyên	Xã đồng bằng	1. Xây dựng thành công 5 - 10 mô hình ứng dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật nuôi thâm canh các đối tượng thủy sản gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm (cá múi trăn châu, cá dìa, cá tráp, cá nâu, cá rô phi, cá nheo, cá chép...), quy mô $\geq 15 \text{ ha}$: Tỷ lệ sống của MH $\geq 80\%$; năng suất đạt $\geq 8 \text{ tấn/ha}$. 2. Hiệu quả kinh tế của MH tăng $\geq 15\%$ so với	5.225	3.900

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Dự kiến kết quả	Kinh phí hỗ trợ khoảng (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng khoảng (triệu đồng)
		sinh xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo.		truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.		sản xuất ngoài mô hình 3. Các học viên nắm vững kiến thức và áp dụng thành công vào tổ chức sản xuất. 4. Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô mô hình được phê duyệt.		
4.4	Xây dựng mô hình liên kết nuôi thủy đặc sản theo hướng hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm (chạch đồng, trê đồng, cá chình, lươn...).	Xây dựng vùng nuôi trồng các đối tượng nuôi thủy đặc theo hướng hữu cơ phát triển bền vững, truy xuất nguồn gốc gắn với chuỗi giá trị nhằm nâng cao giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích, tạo sản phẩm hàng hóa lớn, đồng thời tạo sinh kế, tăng thu nhập cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo cho vùng nông thôn.	≥ 10 ha (≥ 4.000 m ² bể)	Xây dựng mô hình nuôi các đối tượng thủy đặc sản có giá trị kinh tế gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm nhằm ổn định sinh kế cho nông dân, thúc đẩy nuôi trồng thủy sản phát triển bền vững. - Tổ chức liên kết tiêu thụ sản phẩm giữa người nuôi và doanh nghiệp chế biến, nhà phân phối mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. - Đào tạo, tập huấn cho các hộ nông dân, cán bộ khuyến nông viên cơ sở/ thành viên tổ khuyến nông cộng đồng trên địa bàn nơi thực hiện - Tổ chức hội thảo thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.	Xã đồng bằng	1. Xây dựng thành công 5 - 10 mô hình liên kết nuôi thủy đặc sản theo hướng hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm (chạch đồng, trê đồng, cá chình, lươn...), quy mô ≥ 10 ha (≥ 4.000 m ² bể): Tỷ lệ sống của MH $\geq 70\%$; năng suất đạt ≥ 10 tấn/ha. 2. Hiệu quả kinh tế của MH tăng $\geq 15\%$ so với sản xuất ngoài mô hình 3. Các học viên nắm vững kiến thức và áp dụng thành công vào tổ chức sản xuất. 4. Nhân rộng mô hình $\geq$	3.489	2.630

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Nội dung hoạt động	Địa bàn triển khai	Dự kiến kết quả	Kinh phí hỗ trợ khoảng (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng khoảng (triệu đồng)
						20% so với quy mô mô hình được phê duyệt.		
4.5	Xây dựng mô hình nuôi xen ghép; nuôi luân canh theo hướng tuần hoàn, hữu cơ, sinh thái giảm phát thải (tôm sú, cua, cá, tôm càng xanh – lúa, rươi - lúa...).	Áp dụng quy trình quảng canh cải tiến trong nuôi xen ghép, nuôi luân canh các đối tượng nhằm đa dạng hoá đối tượng nuôi, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua việc sử dụng các loài thủy sản có khả năng chịu đựng tốt với điều kiện môi trường thay đổi có tính bền vững.	≥ 30 ha	- Xây dựng thành công mô hình nuôi xen ghép; nuôi luân canh theo hướng tuần hoàn, hữu cơ, sinh thái giảm phát thải. - Đào tạo, tập huấn cho các hộ nông dân, cán bộ khuyến nông viên cơ sở, tổ khuyến nông cộng đồng trên địa bàn nơi thực hiện. - Tổ chức liên kết tiêu thụ sản phẩm giữa người nuôi và doanh nghiệp chế biến, nhà phân phối mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. - Tổ chức hội thảo thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.	Xã đồng bằng	1. Xây dựng thành công 5 - 10 mô hình nuôi xen ghép; nuôi luân canh theo hướng tuần hoàn, hữu cơ, sinh thái giảm phát thải (tôm sú, cua, cá, tôm càng xanh – lúa, rươi - lúa...), quy mô ≥ 30 ha: tỷ lệ sống của MH ≥ 50 %. 2. Hiệu quả kinh tế của MH tăng $\geq 15\%$ so với sản xuất ngoài mô hình 3. Các học viên nắm vững kiến thức và áp dụng thành công vào tổ chức sản xuất. 4. Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô mô hình được phê duyệt.	5.703	3.580
Tổng cộng							94.300	40.900

*** Ghi chú:**

1. Theo Điều 28 Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ, quy định về chính sách thông tin tuyên truyền: *Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí xây dựng nội dung tuyên truyền khuyến nông trên các phương tiện thông tin đại chúng, xuất bản tạp chí, tài liệu, ấn phẩm khuyến nông, tổ chức sự kiện khuyến nông (hội nghị, hội thảo, hội thi, hội chợ, triển lãm, diễn đàn, tọa đàm), xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông và các hình thức thông tin tuyên truyền khuyến nông khác. Đối tượng chuyển giao, đối tượng nhận chuyển giao công nghệ khi tham dự các sự kiện khuyến nông được hỗ trợ chi phí tài liệu, đi lại, tiền ăn, nơi ở theo quy định hiện hành.*

2. Theo Điều 27 Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ, quy định về chính sách bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo: *Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông theo quy định hiện hành. Đối tượng chuyển giao công nghệ được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu, đi lại, tiền ăn, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông theo quy định hiện hành; người tham gia giảng dạy, trợ giảng, hướng dẫn tham quan, tổ chức lớp học được hưởng 100% các chế độ theo quy định hiện hành.*

3. Theo khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ, quy định về chính sách xây dựng mô hình trình diễn: *Địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ tối đa 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình; địa bàn trung du, miền núi, bãi ngang được hỗ trợ tối đa 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình; địa bàn đồng bằng được hỗ trợ tối đa 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình; mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình (đối với tất cả các địa bàn). Các nội dung chi tập huấn, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhà nước hỗ trợ 100%./.*